

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11-6-2026
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hồng.

Bà Đàm Thị Thanh Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

Ngày 11 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 242/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị D, sinh ngày 01/01/1988.

Số căn cước công dân: *****, ngày cấp 09/8/2021.

Địa chỉ: Ấp T, phường N, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông Đinh Văn N, sinh ngày 01/01/1983.

Số căn cước công dân: *****, ngày cấp 05/9/2023.

Địa chỉ: Ấp X, xã V, thành phố Cần Thơ.

(Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2026 và các tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn bà Lâm Thị D trình bày: Bà và ông Đinh Văn N tự nguyện sống chung, sau đó đăng ký kết hôn vào ngày 27/5/2014 tại Ủy ban Nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là UBND phường N, tỉnh Vĩnh Long). Vợ chồng có hai người con chung là Đinh Thị Mỹ D1, sinh ngày 17/02/2010 và Đinh Chí C, sinh ngày 11/11/2012. Tuy nhiên từ tháng 10/2021, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp về tính cách, làm cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà muốn trả tự do cho nhau.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Đinh Văn N.

Về con chung: Bà yêu cầu nuôi 02 người con chung và không yêu cầu ông Đình Văn N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Đình Văn N vắng mặt, quá trình giải quyết có lời khai: Ông có biết việc bà Lâm Thị D nộp đơn khởi kiện tới đến Tòa án nhân dân Khu Vực 7 - Cần Thơ để yêu cầu ly hôn với ông. Và ông cũng thống nhất với nội dung trình bày của bà D trong đơn khởi kiện về quan hệ hôn nhân, con chung, không tài sản và không nợ chung. Ông bà đã thỏa thuận được với nhau về hôn nhân là ông đồng ý ly hôn với bà Lâm Thị Diệu . Về con chung ông và bà D có 02 con chung là cháu Đình Thị Mỹ D1, sinh ngày 17/02/2010 và cháu Đình Chí C1, sinh ngày 11/11/2012. Hiện tại 02 cháu đang sống chung cùng với bà D, ông đồng ý để bà D trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi 02 cháu đủ tuổi trưởng thành là trên 18 tuổi, ông không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn thì ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà D khởi kiện yêu cầu giải quyết về hôn nhân với bị đơn có nơi cư trú tại xã V, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà D và ông N tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là UBND phường N, tỉnh Vĩnh Long) cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, bà D có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Ông N đã được thông báo về việc bà D khởi kiện và đồng ý ly hôn, việc đồng ý ly hôn của ông N là tự nguyện. Vì vậy, theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà D và ông N.

[3] Về con chung: Theo bà D và ông N xác định có hai người con chung Đình Thị Mỹ D1, sinh ngày 17/02/2010 và Đình Chí C, sinh ngày 11/11/2012. Bà D yêu cầu nuôi hai người con chung, cháu Mỹ D1 và Chí C có nguyện vọng sống với mẹ. Đối với ông N cũng đồng ý giao con chung, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D được nuôi con chung.

[4] Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Do các đương sự thuận tình ly hôn, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và hướng dẫn tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao thì các đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lâm Thị D và ông Đinh Văn N.

2. Về con chung: Giao bà Lâm Thị D được nuôi dưỡng hai người con chung với ông Đinh Văn N là Đinh Thị Mỹ D1, sinh ngày 17/02/2010 và cháu Đinh Chí C1, sinh ngày 11/11/2012 đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông Đinh Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung và không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Bà Lâm Thị D và ông Đinh Văn N mỗi người phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn là 75.000 đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp, bà Lâm Thị D đã nộp xong và được hoàn trả số tiền tạm ứng còn dư là 225.000 đồng theo biên lai thu số 0006216 ngày 06/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND phường Nguyệt Hóa,
tỉnh Vĩnh Long.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai

